

PHẦN 1: NỘI DUNG, YÊU CẦU CẦN ĐẠT*Xem bản Word***PHẦN 2: MỘT SỐ CÂU HỎI THAM KHẢO****I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM****Câu 1:** Trong ống tiêu hoá của người, vai trò hấp thụ chất dinh dưỡng thuộc về bộ phận nào?

- A. Dạ dày B. Ruột non C. Ruột già D. Thực quản

Câu 2: Số phát biểu đúng để phòng bệnh về tiêu hóa là

- (1) Chế độ dinh dưỡng hợp lí (2) Vệ sinh răng miệng đúng cách
(3) Ăn thực phẩm không rõ nguồn gốc (4) Sử dụng nhiều caffeine
(5) Uống nước ngọt (6) Tạo bầu không khí vui vẻ khi ăn
- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 3: Thực phẩm không bị ô nhiễm là thực phẩm

- A. chứa kim loại nặng (như chì, thủy ngân,...) B. lên men (như nem chua, dưa muối,...)
C. ôi thiu D. chứa độc tố tự nhiên (như cá nóc, lá ngón,...)

Câu 4: Đau **không** phải bệnh về tiêu hóa

- A. Ngộ độc thực phẩm B. Sỏi thận C. Tiêu chảy D. Táo bón

Câu 5: Chức năng của tiểu cầu là

- A. Vận chuyển oxygen B. Bảo vệ cơ thể nhờ cơ chế thực bào.
C. Làm đông máu giúp bảo vệ cơ thể. D. Vận chuyển carbon dioxide

Câu 6: Tâm thất trái nối liền trực tiếp với loại mạch nào dưới đây?

- A. Tĩnh mạch phổi B. Động mạch phổi C. Động mạch chủ D. Tĩnh mạch chủ

Câu 7: Trong hoạt động miễn dịch của cơ thể người, sự kết hợp của cặp nhân tố nào dưới đây diễn ra theo cơ chế chìa khoá và ổ khoá?

- A. Kháng nguyên – kháng thể B. Kháng nguyên – kháng sinh
C. Kháng sinh – kháng thể D. Vi khuẩn – protein độc

Câu 8: Đường dẫn khí có chức năng gì?

- A. Thực hiện trao đổi khí giữa cơ thể và môi trường B. Trao đổi khí ở phổi và tế bào
C. Dẫn khí, làm ẩm, làm ấm không khí và bảo vệ phổi D. Bảo vệ hệ hô hấp

Câu 9: Phổi người trưởng thành có khoảng

- A. 200 – 300 triệu phế nang. B. 800 – 900 triệu phế nang.
C. 700 – 800 triệu phế nang. D. 500 – 600 triệu phế nang.

Câu 10: Bộ phận nào dưới đây không thuộc hệ hô hấp?

- A. Thanh quản B. Thực quản C. Khí quản D. Phế quản

Câu 11: Hoạt động nào dưới đây gây hại cho đường hô hấp của bạn?

- A. Xả rác đúng nơi quy định
- B. Đeo khẩu trang trong môi trường có nhiều khói bụi
- C. Trồng nhiều cây xanh
- D. Hút thuốc lá điện tử

Câu 12: Môi trường trong của cơ thể gồm

- A. Nước mô, các tế bào máu, kháng thể.
- B. Máu, nước mô, bạch huyết
- C. Huyết tương, các tế bào máu, kháng thể
- D. Máu, nước mô, bạch cầu

Câu 13: Trong quá trình trao đổi chất, máu và nước mô sẽ cung cấp cho tế bào những gì?

- A. Khí oxygen và chất thải
- B. Khí carbonic và chất thải
- C. Khí oxygen và chất dinh dưỡng
- D. Khí carbonic và chất dinh dưỡng

Câu 14: Chức năng của cầu thận là

- A. lọc máu và hình thành nước tiểu đầu.
- B. lọc máu và hình thành nước tiểu chính thức.
- C. hình thành nước tiểu và thải nước tiểu.
- D. lọc máu, hình thành nước tiểu và thải nước tiểu.

Câu 15: Sự tạo thành nước tiểu có đặc điểm

- A. diễn ra liên tục.
- B. tùy từng thời điểm có thể liên tục hoặc gián đoạn.
- C. diễn ra gián đoạn.
- D. diễn ra khi trao đổi chất quá nhiều.

Câu 16: Nhịn đi tiểu lâu có hại vì

- A. Dễ tạo sỏi thận và hạn chế hình thành nước tiểu liên tục.
- B. Dễ tạo sỏi thận và có thể gây viêm bóng đái.
- C. Hạn chế hình thành nước tiểu liên tục và có thể gây viêm bóng đái.
- D. Dễ tạo sỏi thận, hạn chế hình thành nước tiểu liên tục và có thể gây viêm bóng đái.

Câu 17: Bộ phận ngoại biên của hệ thần kinh gồm

- A. Các hạch thần kinh
- B. Các hạch thần kinh và dây thần kinh
- C. Não
- D. Não và tủy sống

Câu 18: Hầu hết các đường dẫn truyền nối giữa vỏ não và các phần dưới của não đều bắt chéo ở

- A. hành tủy hoặc tủy sống.
- B. não trung gian hoặc trụ não.
- C. tủy sống hoặc tiểu não.
- D. tiểu não hoặc não giữa.

Câu 19. Cho các ý sau:

1. Điều khiển, điều hoà và phối hợp hoạt động giữa các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể.
2. Đảm bảo cơ thể là một khối thống nhất.
3. Đảm bảo cơ thể thích nghi với môi trường ngoài và môi trường trong cơ thể.
4. Bài tiết các chất thải, chất độc ra khỏi cơ thể

Số ý đúng là về vai trò của hệ thần kinh là

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 20: Trong cơ thể người, tuyến nội tiết nào đóng vai trò chỉ đạo hoạt động của hầu hết các tuyến nội tiết khác?

- A. Tuyến sinh dục
- B. Tuyến yên
- C. Tuyến giáp
- D. Tuyến tụy

Câu 21: Tuyến nào dưới đây là tuyến pha?

- A. Tuyến yên. B. Tuyến giáp. C. Tuyến cận giáp. D. Tuyến tụy

Câu 22: Tác dụng của hormone testosterone là gì?

- A. Tăng sự phát triển cơ bắp. B. Thay đổi giọng nói.
C. Gây những biến đổi cơ thể ở tuổi dậy thì nam. D. Thúc đẩy quá trình sinh tinh.

Câu 23: Hormone đóng vai trò điều hoà hàm lượng đường trong máu sau khi ăn là

- A. Insulin. B. Estrogen. C. Testosterone. D. Glucagon.

Câu 24: Trứng còn được gọi là gì?

- A. Tế bào sinh dục nam B. Tế bào sinh dục nữ
C. Tế bào xôma D. Tế bào sinh dưỡng

Câu 25: Bộ phận nào sau đây **không** thuộc cơ quan sinh dục nam?

- A. Tử cung B. Bìu. C. Dương vật. D. Tinh hoàn

Câu 26: Khi nào thì cơ thể nữ bắt đầu sản sinh trứng?

- A. Mới sinh ra B. Tuổi dậy thì C. Tuổi trưởng thành D. Bất kể khi nào

Câu 27: Con người là một nhân tố sinh thái đặc biệt. Có thể xếp con người vào nhóm nhân tố nào sau đây?

- A. Nhóm nhân tố vô sinh. B. Thuộc cả nhóm nhân tố hữu sinh và nhóm nhân tố vô sinh.
C. Nhóm nhân tố hữu sinh. D. Nhóm nhân tố vô sinh và nhóm nhân tố hữu sinh.

Câu 28: Đối với mỗi nhân tố sinh thái thì khoảng thuận lợi (khoảng cực thuận) là khoảng giá trị của nhân tố sinh thái mà ở đó sinh vật?

- A. phát triển thuận lợi nhất. B. có sức sống trung bình.
C. có sức sống giảm dần. D. chết hàng loạt.

Câu 29: Tập hợp sinh vật nào sau đây gọi là quần thể?

- A. Tập hợp cá sống trong Hồ Tây. B. Tập hợp cá Cóc sống trong Vườn Quốc Gia Tam Đảo.
C. Tập hợp cây thân leo trong rừng mưa nhiệt đới. D. Tập hợp cỏ dại trên một cánh đồng.

Câu 30: Các cá thể trong quần thể được phân chia làm các nhóm tuổi là

- A. ấu trùng, giai đoạn sinh trưởng và trưởng thành. B. trẻ, trưởng thành và già.
C. trước sinh sản, sinh sản và sau sinh sản. D. trước giao phối và sau giao phối.

Câu 31: Mật độ quần thể là

- A. số lượng hay khối lượng sinh vật có trong một đơn vị thể tích.
B. số lượng hay khối lượng sinh vật có trong một đơn vị diện tích.
C. số lượng sinh vật có trong một đơn vị diện tích.
D. số lượng hay khối lượng sinh vật có trong một đơn vị diện tích hay thể tích.

Câu 32: Chỉ số thể hiện tỉ lệ % số địa điểm bắt gặp một loài trong tổng số địa điểm quan sát ở quần xã là

- A. Độ đa dạng B. Độ nhiều C. Độ thường gặp D. Độ tập trung

Câu 33: Tập hợp nào sau đây **không** phải là quần xã sinh vật?

A. Một khu rừng B. Một hồ tự nhiên C. Một đàn chuột đồng D. Một ao cá

Câu 34: Sinh vật nào là mắt xích cuối cùng trong chuỗi thức ăn hoàn chỉnh?

A. Vi sinh vật phân giải B. Động vật ăn thực vật C. Động vật ăn thịt D. Thực vật

Câu 35: Dòng năng lượng trong chuỗi thức ăn, năng lượng khởi đầu trong sinh giới được lấy từ đâu?

A. Từ môi trường không khí B. Từ nước
C. Từ chất dinh dưỡng trong đất D. Từ năng lượng mặt trời

Câu 36: Năm sinh vật là: Trăn, cò, châu chấu, gà rừng và vi khuẩn có thể có quan hệ dinh dưỡng theo sơ đồ nào dưới đây

A. Cò → châu chấu → trăn → gà rừng → vi khuẩn
B. Cò → trăn → châu chấu → vi khuẩn → gà rừng
C. Cò → châu chấu → gà rừng → trăn → vi khuẩn
D. Cò → châu chấu → vi khuẩn → gà rừng → trăn

Câu 37: Khả năng tự điều chỉnh số lượng cá thể của quần thể về mức ổn định phù hợp với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường được gọi là

A. khống chế sinh học B. ức chế - cảm nhiễm C. cân bằng quần thể D. nhịp sinh học

II. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Em hãy nêu các thành phần của máu và chức năng của từng thành phần? Khi 1 bạn trong lớp bị dao rọc giấy làm đứt tay gây chảy ít máu ở đầu ngón tay, em sẽ tiến hành qua các bước nào để giúp bạn sơ cứu cầm máu?

Câu 2: Vì sao tiêm vaccine lại giúp phòng bệnh?

Câu 3: Khói thuốc lá ảnh hưởng như thế nào đến hệ hô hấp? Em hãy đề xuất các biện pháp bảo vệ hệ hô hấp.

Câu 4: Một người phụ nữ 28 tuổi có kết quả một số chỉ số xét nghiệm máu thể hiện ở bảng 33.2. Em hãy nhận xét về các chỉ số này. Theo em người này cần chú ý gì trong khẩu phần ăn?

Bảng 33.2. Kết quả xét nghiệm một số chỉ số máu		
Họ tên người xét nghiệm: N.H.T		Giới tính: Nữ Tuổi: 28
Kết quả xét nghiệm máu:		
Chỉ số	Kết quả xét nghiệm	Ngưỡng giá trị ở người trưởng thành bình thường
Glucose (mmol/l)	7,4	3,9 – 5,6 (Bộ Y tế, 2020)
Uric acid (mg/dl)	5,6	Nam: 2,5 – 7,0 Nữ 1,5-6,0 (ACR, 2020)

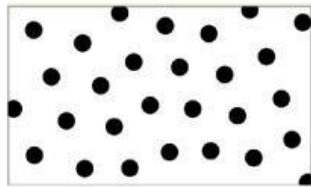
Câu 5. Nêu cấu tạo và chức năng của cơ quan thị giác? Trình bày các nguyên nhân gây nên tật cận thị và cách phòng tránh tật cận thị?

Câu 6: Trình bày cấu tạo và chức năng của da? Thân nhiệt là gì? Vì sao đo thân nhiệt là bước đầu của việc chuẩn đoán bệnh?

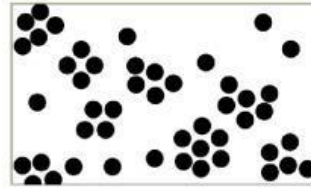
Câu 7: Thế nào là thụ tinh và thụ thai? Quan hệ tình dục không an toàn ở tuổi vị thành niên có thể dẫn đến những hậu quả gì? Trình bày các biện pháp để bảo vệ sức khỏe sinh sản của bản thân?

Câu 8: Một khu rừng trồng (rừng trà, rừng cao su...)có phải là một hệ sinh thái không? Giải thích.

Câu 9. a) Quan sát sơ đồ dưới đây, cho biết kiểu phân bố và nguyên nhân hình thành kiểu phân bố đó trong quần thể.



Hình 1



Hình 2

b) Khi đánh bắt cá ở một hồ nước, chúng ta nên làm gì khi gặp các tình huống dưới đây? Giải thích.

- 1) Các mẻ lưới thu được hầu hết là cá con.**
- 2) Các mẻ lưới thu được hầu hết là cá lớn.**

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KỲ II

PHẦN : VẬT LÝ 8

Câu 1: Nhiệt năng của một vật là

- A. Tổng thế năng của các phân tử cấu tạo nên vật. B. Tổng động năng của các phân tử cấu tạo nên vật.
C. Hiệu thế năng của các phân tử cấu tạo nên vật. D. Hiệu động năng của các phân tử cấu tạo nên vật.

Câu 2: Nhiệt lượng là

- A. Phần nhiệt năng mà vật nhận được hay mất bớt đi trong quá trình truyền nhiệt.
B. Phần nhiệt năng mà vật nhận trong quá trình truyền nhiệt.
C. Phần nhiệt năng mà vật mất bớt đi trong quá trình truyền nhiệt.
D. Phần cơ năng mà vật nhận được hay mất bớt đi trong quá trình thực hiện công.

Câu 3: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về nhiệt năng của vật?

- A. Chỉ những vật có khối lượng lớn mới có nhiệt năng.
B. Bất kì vật nào dù nóng hay lạnh thì cũng đều có nhiệt năng.
C. Chỉ những vật có nhiệt độ cao mới có nhiệt năng.
D. Chỉ những vật trọng lượng riêng lớn mới có nhiệt năng.

Câu 4: Cách nào sau đây không làm thay đổi nội năng của vật?

- A. Cọ xát vật lên mặt bàn. B. Đốt nóng vật.
C. Làm lạnh vật. D. Đưa vật lên cao.

Câu 5: Nhiệt do ngọn nến tỏa ra theo hướng nào?

- A. Hướng từ dưới lên. B. Hướng từ trên xuống.
C. Hướng sang ngang. D. Theo mọi hướng

Câu 6: Bức xạ nhiệt là:

- A. Sự truyền nhiệt bằng các tia nhiệt đi thẳng.
- B. Sự truyền nhiệt qua không khí.
- C. Sự truyền nhiệt bằng các tia nhiệt đi theo đường gấp khúc.
- D. Sự truyền nhiệt qua chất rắn.

Câu 7: Ở xứ lạnh tại sao người ta thường làm cửa sổ có hai hay ba lớp kính? Chọn câu trả lời đúng nhất?

- A. Để phòng lớp này vỡ thì còn có lớp khác.
- B. Không khí giữa hai tấm kính cách nhiệt tốt làm giảm sự mất nhiệt trong nhà.
- C. Để tăng thêm bề dày của kính.
- D. Để tránh gió lạnh thổi vào nhà.

Câu 8: Trong sự dẫn nhiệt, nhiệt được truyền từ vật nào sang vật nào? Chọn câu trả lời đúng nhất.

- A. Từ vật có khối lượng lớn hơn sang vật có khối lượng nhỏ hơn.
- B. Từ vật có nhiệt độ thấp hơn sang vật có nhiệt độ cao hơn.
- C. Từ vật có nhiệt năng lớn hơn sang vật có nhiệt năng nhỏ hơn.
- D. Từ vật có thể tích lớn hơn sang vật có thể tích nhỏ hơn.

Câu 9: Năng lượng Mặt Trời truyền xuống Trái Đất bằng cách nào?

- A. Bằng sự dẫn nhiệt qua không khí.
- B. Bằng sự đối lưu.
- C. Bằng bức xạ nhiệt.
- D. Bằng một hình thức khác.

Câu 10: Chọn câu sai:

- A. Chất khí đậm đặc dẫn nhiệt tốt hơn chất khí loãng.
- B. Sự truyền nhiệt bằng hình thức dẫn nhiệt chủ yếu xảy ra trong chất rắn.
- C. Bản chất của sự dẫn nhiệt trong chất khí, chất lỏng và chất rắn nói chung là giống nhau.
- D. Khả năng dẫn nhiệt của tất cả các chất rắn là như nhau.

Câu 11: Kết luận nào sau đây là đúng khi nói về sự nở vì nhiệt của không khí và khí ô xy?

- A. không khí nở vì nhiệt nhiều hơn ô xy.
- B. không khí nở vì nhiệt ít hơn ô xy
- C. không khí và ô xy nở vì nhiệt như nhau.
- D. Chỉ có khí ô xy nở vì nhiệt

Câu 12: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: Chất khí nở vì nhiệtchất lỏng, chất lỏng nở vì nhiệt ...
.....chất rắn

- A. nhiều hơn- ít hơn.
- B. nhiều hơn- nhiều hơn.
- C. ít hơn- nhiều hơn.
- D. ít hơn- ít hơn.

Câu 13: Hãy chọn câu trả lời đúng điền vào chỗ trống: Các khối hơi nước bốc lên từ mặt biển, sông, hồ bị ánh nắng mặt trời chiếu vào nên....., và bay lên tạo thành mây.

- A. nở ra, nóng lên, nhẹ đi.
- B. nhẹ đi, nở ra, nóng lên.
- C. nóng lên, nở ra, nhẹ đi.
- D. nhẹ đi, nóng lên, nở ra.

Câu 14: Phát biểu nào sau đây không đúng?

- A. Chất khí nở ra khi nóng lên, co lại khi lạnh đi.
- B. Các chất khí khác nhau nở vì nhiệt giống nhau.

C. Chất khí nở vì nhiệt nhiều hơn chất lỏng, chất lỏng nở vì nhiệt nhiều hơn chất rắn.

D. Khi nung nóng khí thì thể tích của chất khí giảm.

Câu 15: Chọn câu phát biểu sai

A. Chất rắn khi nóng lên thì nở ra.

B. Các chất rắn khác nhau nở vì nhiệt khác nhau.

C. Chất rắn khi lạnh đi thì co lại.

D. Các chất rắn khác nhau nở vì nhiệt như nhau.

Câu 16: Trong các cách sắp xếp các chất nở vì nhiệt từ nhiều tới ít sau đây, cách sắp xếp nào là đúng?

A. Rắn, lỏng, khí.

B. Rắn, khí, lỏng.

C. Khí, lỏng, rắn.

D. Khí, rắn, lỏng.

II) TỰ LUẬN :

Câu 1 : Vì sao tháp Ep-phen ở Pháp vào mùa đông và mùa hè tháp có chiều cao chênh lệch khoảng 17 cm ?

Câu 2 : Vì sao các dây dẫn tải điện về mùa ta thấy dây căng lên còn về mùa hè thì võng xuống ?

Câu 3 : Tại sao các nhà sữ khuyên chúng ta không nên ăn thức ăn nóng quá ?

Câu 4 : Nêu 3 hình thức truyền nhiệt : dẫn nhiệt , đối lưu và bức xạ nhiệt